

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN B
THÀNH PHỐ H**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **80/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 09/02/2023

V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B

*** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thu Trang**
- Các Hội thẩm nhân dân: **Bà Đỗ Thị Sỹ Long và ông Nguyễn Hà**
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Hằng – Thư ký Tòa án**
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên Tòa: **Bà Hoàng Thu Trang – Kiểm sát viên.**

Trong ngày 09 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 851/2022/TLST – HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2022 về : “Tranh chấp xin ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 11 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N, sinh năm 1965**

HKTT: Số 455 Đường L, phường T, quận B, H;

Nơi ở: Số 16 ngách 616 đường L, T, quận B, H.

*** Bị đơn: Ông Nguyễn Bá T1, sinh năm 1961**

HKTT và nơi ở: Số 455 Đường L, phường T, quận B, thành phố H

(Bà N có mặt, ông T1 có đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N trình bày:

- **Về tình cảm:** Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Bá T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có qua tìm hiểu, tuy nhiên vì là rở giá cấp lại nên cả hai không tổ chức

cưới, sau đó đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận B, thành phố H vào ngày 05/9/2007.

Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống tại nhà của bố, mẹ ông T1 ở địa chỉ: Số 455 Đường L, phường T, quận B, thành phố H.

Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, lối sống, cụ thể là ông T1 không muốn bà Ngọc quan hệ gặp gỡ con riêng của bà và anh chị em bên ngoại, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Ông T1 còn nhiều lần đuổi bà N ra khỏi nhà. Cuối năm 2019, khi bị ông T1 nhiều lần đuổi đi, bà N phải về ở nhờ nhà của chị gái bà, sau đó ông T1 có đến xin lỗi bà, nên bà quay về, nhưng chỉ được một thời gian thì đầu lại vào đây, vợ chồng lại tiếp tục mâu thuẫn, luôn xảy ra cãi vã nhau, ông T1 cũng không quan tâm chăm sóc bà N mỗi khi bà ốm đau, điều này đã gây ảnh hưởng nhiều đến tinh thần và sức khỏe của bà.

Tháng 10 năm 2021, do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng, bà N và ông T1 đã sống ly thân nhau, mỗi người một phòng, việc ai người đấy làm, không quan tâm đến nhau. Đến tháng 6 năm 2022, mâu thuẫn trở nên trầm trọng, vợ chồng thường xảy ra cãi vã và ông T1 tiếp tục đuổi bà N ra khỏi nhà, do quá mệt mỏi nên bà N lại về nhà chị gái của bà tại địa chỉ: 16 ngách 616 đường L, T, quận B, H để ở từ đó cho đến nay.

Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, bà N và ông T1 đã nhiều lần nói chuyện để khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Gia đình hai bên nội, ngoại có biết mâu thuẫn của vợ chồng, tuy nhiên do quan hệ giữa gia đình hai bên với ông T1 không hợp nhau, nên không ai hòa giải hay có ý kiến gì.

Nay bà N xác định mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T1 để bà còn ổn định cuộc sống riêng.

- **Về con chung:** Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Bá T1 không có con chung.

- **Về tài sản chung:** Gồm có đồ gia dụng sử dụng trong nhà, 02 xe máy; một sổ tiết kiệm 200.000.000 đồng, bà N xin để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- **Về nhà ở chung:** Vợ chồng không có nhà ở chung.

- **Về khoản nợ chung:** Vợ chồng không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* **Tại phiên tòa:** Bà N vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Bà N cho rằng lý do ông T1 không đồng ý ly hôn là không phải vì còn tình cảm với bà bởi cách cư xử của ông đối với bà không có sự thương yêu, tôn trọng, ông luôn ngăn cản, cấm đoán không muốn bà gặp gỡ con riêng của bà hay chị em gia đình bên ngoại chỉ vì trước khi ông, bà cưới

nhau gia đình bà N không đồng ý mối quan hệ của ông , bà. Quá trình về chung sống lại phát sinh ra việc người vợ trước và con riêng của ông T1 cũng sống chung ở cùng nhà, dẫn đến phát sinh mâu thuẫn trong sinh hoạt, bà được sống không vui vẻ hạnh phúc và mỗi khi ông T1 không vừa ý với bà là ông lại chửi và đuổi bà ra khỏi nhà. Thời điểm tháng 6/2022, không phải là lần đầu bà bỏ về nhà chị gái ở mà trước đó đã xảy ra việc này rồi, nên nếu cứ tiếp tục cuộc hôn nhân này sẽ chỉ làm bà khổ tâm hơn, vì vậy bà đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho bà được ly hôn để bà còn ổn định cuộc sống riêng cũng như sống vui vẻ khi về già.

Trong đơn trình bày và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Nguyễn Bá T1 trình bày:

- **Về tình cảm:** Ông Nguyễn Bá T1 xác nhận lời trình bày của bà N về quá trình tìm hiểu dẫn tới hôn nhân của vợ chồng ông là hoàn toàn đúng.

Sau khi kết hôn thì vợ chồng ông về chung sống tại địa chỉ số 455 Đường L, phường T, quận B, H, đây là nhà của bố mẹ đẻ ông T1. Theo ông T1 trình bày: Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 6 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn., nguyên nhân là do thời điểm này ông T1 bị tai biến, chữa bệnh hết nhiều tiền, nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi về vấn đề kinh tế và có lần trong lúc nóng giận ông T1 có lời nói đuổi bà N đi và bà N đã bỏ đi luôn. Sau khi bà N bỏ đi, ông T1 có gọi điện thoại cho bà nhưng không nghe máy. kể từ đó ông không liên lạc với bà, cũng không biết bà N ở đâu.

Nay bà N xin ly hôn thì ông T1 không đồng ý vì ông vẫn còn tình cảm và muốn bà N nghĩ lại quay về để vợ chồng nương tựa nhau lúc tuổi già. Trường hợp bà N cương quyết ly hôn thì ông T1 đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, ông T1 xin được vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như phiên Tòa xét xử vụ án.

- **Về con chung:** Ông T1 xác nhận ông và bà N không có con chung,.

- **Về tài sản chung:** Ông T1 nhất trí với ý kiến của bà N là để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nhà ở chung:** Vợ chồng không có nhà ở chung , nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- **Về khoản nợ chung:** Ông T1 xác nhận vợ chồng không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Ông Nguyễn Bá T1 có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên Tòa và những người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

* **Về tố tụng:** Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm, thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ Luật Tố Tụng Dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Các đương sự đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo luật định.

* **Ý kiến của đại diện viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án:** Sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 59 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội. Đề nghị: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng N; Bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc được ly hôn ông Nguyễn Bá T1.

- **Về con chung:** Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Bá T1 không có con chung.

- **Về tài sản chung:** Hai bên xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- **Về nhà ở chung:** Hai bên xác nhận vợ chồng không có nhà ở chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét giải quyết.

- **Về khoản nợ chung:** Vợ chồng xác nhận không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí LHST:** Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

- Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

* **Về tố tụng:** Tòa án thụ lý vụ án: “Tranh chấp xin ly hôn” giữa nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hồng N đối với bị đơn: Ông Nguyễn Bá T1 là đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ông Nguyễn Bá T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Bá T1.

* **Về nội dung:**

[1]. Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Bá T1 kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận B, thành phố H vào ngày 05/9/2007. Đây là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Theo bà N thì nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm cách sống, cách cư xử giữa vợ chồng và gia đình hai bên. Ông T1 cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn do kinh tế, dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi. Đến khoảng tháng 6/2022, mâu thuẫn trở lên trầm trọng và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, mỗi người một nơi. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân cả hai không gặp gỡ nói chuyện, không quan tâm đến nhau. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bà N vẫn giữ quan điểm xin ly hôn, ông T1 không đồng ý ly hôn và mong bà N nghĩ lại quay về để vợ chồng nương tựa nhau lúc tuổi già, tuy nhiên ông T1 cũng không có biện pháp để cải thiện tình cảm vợ chồng, khắc phục mâu thuẫn mà đề nghị Tòa án giải quyết theo luật định, ông xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc cũng như phiên Tòa xét xử vụ án.

Hội đồng xét xử xét thấy: Mục đích của Hôn nhân là vợ chồng có nghĩa vụ chung sống, yêu thương, tôn trọng, quan tâm chăm sóc giúp đỡ nhau, tuy nhiên qua phân tích ở trên cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng bà N, ông T1 đã trở lên trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ là không có, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng N đối với ông Nguyễn Bá T1.

[4]. Về con chung: Bà N và ông T1 không có con chung.

[5]. Về tài sản chung: Hai bên xin để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[6]. Về nhà ở chung: Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Bá T1 xác nhận không có nhà ở chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[7]. Về khoản nợ chung: Hai bên xác nhận vợ chồng không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[8]. Về án phí LHST: Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Bá T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[10]. Quan điểm của đại diện viện Kiểm sát nhân dân quận B đối với việc giải quyết vụ án phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng Ngọc.

Bà Nguyễn Thị Hồng N được ly hôn ông Nguyễn Bá T1.

2. **Về con chung:** Bà Nguyễn Thị Hồng N và ông Nguyễn Bá T1 không có con chung.

3. **Về tài sản chung:** Hai bên xin để vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa không xem xét.

4. **Về nhà ở chung :** Hai bên xác nhận vợ chồng không có nhà ở chung, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết..

5. **Về khoản nợ chung:** Hai bên xác nhận vợ chồng không cùng vay nợ ai và không cùng cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

6. **Về án phí LHST:** Bà Nguyễn Thị Hồng N phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002666 ngày 09/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B.

7. **Về quyền kháng cáo:** Bà Nguyễn Thị Hồng N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Bá T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Viện Kiểm sát nhân dân quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Tòa án nhân dân Thành phố H;
- UBND phường T,
- quận B, thành phố H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Trang

